TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH PHÚ YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **70**/2023/DSPT
Ngày 16/8/2023
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản, đòi lại tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Trúc Lâm.

Các Thẩm phán: Ông Ngô Chịu và bà Vũ Ngọc Hà.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Việt Triều.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên tham gia phiên toà: Bà Trần Thị Thu Anh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 76/2022/TLPT-DS ngày 07 tháng 10 năm 2022 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản, đòi lại tài sản".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 29/2022/DS-ST ngày 26/7/2022 của Toà án nhân dân thị xã Đông Hòa bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 112/2022/QĐ-PT ngày 02/12/2022 và Thông báo mở lại phiên tòa số 104/2023/TB-TDS ngày 20/7/2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Đinh Thị Thanh T – sinh năm 1971, địa chỉ: khu phố P, phường H, thị xã D, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn: 1/ Bà Lâm Thị K – sinh năm 1979, địa chỉ: khu phố B, phường H, thị xã D, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

2/ Ông Phạm T – sinh năm 1978, địa chỉ: khu phố B, phường H, thị xã D, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Phạm T – sinh năm 1978, địa chỉ: khu phố B, phường H, thị xã D, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

Do có kháng cáo của nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các đơn khởi kiện, các lời khai có tại hồ sơ, nguyên đơn trình bày:

Ngày 18/9/2019, bà K vay của bà T số tiền 10.000.000đ, ngày 05/11/2019 (Âm lịch) bà K vay của bà T số tiền 20.000.000đ; thỏa thuận lãi suất 5%/tháng, hẹn đến năm 2020 trả nhưng đến nay bà K chưa trả. Do đó, bà T khởi kiện buộc bà K trả số tiền 30.000.000đ và tiền lãi theo quy định pháp luật.

Ngày 18/9/2019, bà K có bán cho bà T 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu SH, mang biển số 78M1-100.75 với giá 30.000.000đ. Ngày 10/10/2019, bà K thuê lại xe và hẹn đến ngày 30/6/2020 trả lại nhưng đến nay bà K vẫn không trả. Do đó, bà T khởi kiện buộc bà K trả lại chiếc xe mô tô nhãn hiệu SH, mang biển số 78M1-100.75 cho bà T.

Ngoài ra, vợ chồng ông Phạm T, bà Lâm Thị K có vay của bà T số tiền 500.000.000đ. Bà K ký giấy mượn, hẹn năm 2020 trả nhưng đến nay chưa trả. Do đó, bà T khởi khởi yêu cầu ông T, bà K phải trả số tiền 500.000.000đ.

Theo các lời khai có tại hồ sơ, bà Lâm Thị K trình bày:

Trước đây, vợ chồng bà Lâm Thị K và ông Phạm T mâu thuẫn xin ly hôn, tâm trạng của bà K rất bất ổn, buồn phiền. Bà Đinh Thị Thanh T đang ở trọ tại nhà của vợ chồng bà K nên bà K có nói chuyện với bà T về việc vợ chồng bà K sắp ly hôn và tranh chấp tài sản chung. Bà T nghe vậy nên đã hướng dẫn bà K cách tẩu tán tài sản của vợ chồng bằng cách bà K viết các giấy mượn tiền, giấy vay tiền, giấy bán xe, giấy thuê xe đưa cho bà T. Nay bà T căn cứ vào các giấy tờ này để kiện bà K và ông T.

Bà K khẳng định các giấy mượn tiền, giấy vay tiền, giấy bán xe, giấy thuê xe thực tế là giả tạo nhằm mục đích là tẩu tán tài sản chung của bà K và ông T. Do đó, bà K và bà T có viết giấy xác nhận không mượn nợ; chữ ký và chữ viết trên các giấy tờ bà T nộp cho Toà án không phải của bà K. Vậy, bà K không chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của bà Đinh Thị Thanh T vì không đúng sự thật.

Theo các lời khai có tại hồ sơ, ông Phạm T trình bày:

Ông T và bà K ly hôn vào ngày 09/9/2021, trong thời gian sống chung, giữa ông T và bà K làm ăn riêng, tự chủ về kinh tế. Ngôi nhà ông T xây dựng trên mảnh đất của ông bà để lại, việc xây dựng nhà từ tiền tiết kiệm riêng của ông T nên việc xây nhà kéo dài từ năm 2011 đến năm 2016 mới hoàn thành, bà K không đóng góp gì. Do đó, đối với giấy vay mượn tiền 500.000.000đ mà bà T cho rằng cho ông T và bà K mượn để xây nhà, mua vật liệu, lấp bầu (ao), mua xe là không đúng sự thật, ông T hoàn toàn không biết việc này. Giấy vay tiền này có dấu hiệu giả mạo nhằm mục đích tranh chấp tài sản của ông trong vụ án ly hôn, ông T không vay tiền của bà T, cũng không nhận bất kỳ số tiền nào từ bà K. Do đó, ông T không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T.

Đối với xe SH mang biển số 78M1-100.75 thì vào khoảng tháng 9/2019, ông T bỏ ra 37.000.000đ, bà K bỏ ra số tiền 27.000.000đ để mua cho bà K và bà K đứng tên chủ sở hữu. Sau đó, bà K toàn quyền sử dụng, định đoạt nên trong vụ án ly hôn ông T cũng không tranh chấp về chiếc xe này. Việc bà K có bán xe cho bà T hay không thì ông T không biết, không có yêu cầu gì.

Đối với số tiền 30.000.000đ mà bà T khởi kiện theo Giấy mượn tiền ngày 05/11/2019 ghi 20.000.000đ và Giấy bán xe ngày 18/9/2019 thì ông không biết, ông không nhận bất cứ khoản tiền nào từ bà T và không nhận một đồng nào từ bà K trong số tiền 30.000.000đ mà bà T khởi kiện. Do đó, ông T không chấp

nhận yêu cầu khởi kiện của bà T.

Bản án dân sự sơ thẩm số 29/2022/DS-ST ngày 26/7/2022 của Toà án nhân dân thị xã Đông Hòa đã áp dụng Điều 147, 227, 228 và 238 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 116, 117, 118, 119, 121, 124, 166, 168 và Điều 463 Bộ luật Dân sự; các Điều 24, 27, 37 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đinh Thị Thanh T về các yêu cầu: buộc bà Lâm Thị K phải trả khoản tiền vay 30.000.000 đồng và lãi suất theo quy định pháp luật, buộc bà K phải trả chiếc xe mô tô nhãn hiệu SH mang biển số 78M1-100.75 cho bà T, và buộc bà K và ông Phạm T phải trả số tiền 500.000.000 đồng, vì không đủ cơ sở để được chấp nhận.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm, nguyên đơn kháng cáo bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa phát biểu: Về thủ tục tố tụng: Những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự. Đương sự đã thực đầy đủ các quyền của mình theo quy định pháp luật. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của nguyên đơn vì không có căn cứ pháp luật, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến trình bày của các đương sự, Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục kháng cáo: Đơn kháng cáo của bị đơn còn trong thời hạn luật định và người kháng cáo thuộc trường hợp được miễn nộp tạm ứng án phí phúc thẩm nên đủ điều kiện để thụ lý, giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn đề nghị cấp phúc thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Thấy rằng, tại cấp phúc thẩm bà T có yêu cầu giám định chữ ký bà K trên 07 tài liệu, gồm: Giấy vay tiền ghi ngày 09/7/2014 (sửa 09/7/2015), Giấy bán xe ghi ngày bán 18/9/2019 (giá bán 30.000.000đ), Giấy bán xe ghi ngày 18/9/2019 (giá bán 50.000.000đ), Giấy thuê xe SH ghi ngày 10/10/2019, Giấy mượn tiền ghi ngày 03/11/2019 (âm lịch), Giấy bán xe (không ghi ngày tháng năm), Giấy xác nhận không mượn nợ (không ghi ngày tháng năm). Ngày 20/02/2023, Kết luận giám định chữ ký, chữ viết "K, Lâm Thị K" trên 07 tài liệu nêu trên với mẫu so sánh đều do cùng một người ký và viết ra.

Tuy nhiên, về nội dung thì tại Bản kết luận giám định ngày 08/02/2021, ghi nhận: "… Giấy bán xe đề ngày 18/9/2019, đứng Lâm Thị K… ở mục "Người mua" ký đề tên Đinh Thị Thanh T bị tẩy xoá, sửa chữa, điền thêm tại

các vị trí chữ "vốn" ở dòng 10, chữ "bán" ở dòng 11; "năm mươi" ở dòng 14; "triệu" ở dòng 15 là chữ viết được điền thêm; chữ số "5" dòng 14 bị sửa chữa. Nội dung trước khi sửa chữa thể hiện đặc điểm của chữ số "3". Tại vị trí chữ viết "18-9" ở dòng 19 bị tẩy xoá, sửa chữa, điền thêm. Nội dung trước khi sửa chữa là chữ "10.10". Chữ ký "T" đề tên Đinh Thị Thanh T ở mục "Người mua" trên tài liệu (ký hiệu A1 - Giấy bán xe); ở tài liệu "Ký tên" trên tài liệu (ký hiệu A2 - Giấy xác nhận không mượn nợ) so với chữ ký của Đinh Thị Thanh T trên tài liệu (ký hiệu M1 – M9: chữ ký, chữ viết của bà Đinh Thị Thanh T tại các Giấy báo cáo, Bản tự khai, Biên bản ghi lời khai) nhận thấy khác dạng nhau, không thể tiến hành giám định.

Giấy mượn tiền đề ngày 05/11/2019 (Âm lịch) có nội dung: "… bà Lâm Thị K có mượn chị Vủ (20 chục triệu) có thế chị Vủ cà vẹc xe SH biển số 78M1:10075 (chữ số 7 bị sửa chữa từ số 1 ban đầu) – Đinh Thị Thanh T người bảo lãnh trả nợ…"; Giấy bán xe đề ngày 18/9/2019 có nội dung: "… bà Lâm Thị K có bán chiếc xe máy SH biển số 78M1:10075 số tiền 30.000.000 đồng…" (chữ "đồng" và chữ ghi "ngày 18/9/2019" có nét màu mực khác) và nộ dung: "… K còn nợ lại 10.000.000 mười triệu mỗi tháng đóng lãi 300 ngàn" (màu mực đỏ)"; và Giấy vay tiền đề ngày 9.7-2014 (2015) (chữ số "5" được sửa từ số "4" có nội dung: "… hai v/c (vợ chồng) tôi đồng ý vay tiền của chị Đinh Thị Thanh T với số tiền 500.000.000 (Năm trăm triệu đồng chẵn)… mua xe…" (chữ số và chữ viết "500.000.000 (Năm trăm triệu đồng chẵn)" khác màu mực và sau chữ mua xe có dấu tẩy xoá).

Như vậy, mặc dù chữ ký trên các Giấy vay tiền, Giấy mượn tiền, Giấy bán xe, Giấy thuê xe đều do bà K ký tên nhưng nội dung các giấy bị tẩy xóa, sửa chữa, bổ sung và có nội dung mâu thuẫn nhau. Đồng thời, bà T không cung cấp được chứng cứ chứng minh đã giao cho bà K số tiền 500.000.000đ vào ngày 09/7/2014 (sửa 09/7/2015), 10.000.000đ vào ngày 18/9/2019, 20.000.000đ vào ngày 05/11/2019 âm lịch, số tiền 30.000.000đ hay 50.000.000đ mua xe SH. Bà T không chứng minh được ông T cùng bà K vay tiền bà T để xây dựng nhà, mua xe. Trong khi, bà K, ông T đều không thừa nhận các khoản nợ, việc mua bán xe mà cho rằng chỉ là giả tạo nhằm tẩu tán tài sản khi ông T với bà K ly hôn.

Ngày 22/4/2021, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã Đông Hòa đã kết luận không có cơ sở xác định xe mô tô SH mang biển số 78M1-100.75 thuộc sở hữu của bà T. Việc bà T tố giác bà K thuê xe mô tô SH mang biển số 78M1-100.75 của bà T rồi không trả, mà bán cho người khác là không có căn cứ, không có sự việc phạm tội.

Từ các phân tích trên, Hội đồng xét xử nhận thấy Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đinh Thị Thanh T là đúng quy định pháp luật, nên chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí phúc thẩm: Bà Đinh Thị Thanh T là hộ cận nghèo, có đơn xin miễn án phí nên được miễn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Đinh Thị Thanh T. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 29/2022/DS-ST ngày 26/7/2022 của Toà án nhân dân thị xã Đông Hòa.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận*:**
- TANDCC tại Đà Nẵng (1);
- VKSND tỉnh Phú Yên (2);
- TAND thị xã Đông Hòa (2);
- VKSND thị xã Đông Hòa (1);
- Chi cục THADS thị xã Đông Hòa (1);
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, án văn, tt, KTNV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Trúc Lâm